

**ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC

TÊN HỌC PHẦN:

THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

HỌC KỲ

3

MÃ HỌC PHẦN :

GLY - 291

TÍN CHỈ

1

Ngày thi:

07/04/2010

LẦN THI

1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
					10	20								70	100		
1	142210189	BÙI NGỌC	HIẾU	T14XDC	10	6.5							5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
2	142210211	NGUYỄN QUANG	KHUÔNG	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Baý pháp Chên		
3	142210237	PHẠM NHƯ	QUÂN	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
4	142210890	ĐOÀN CÔNG	THÀNH	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
5	142220292	HUỖNH NGỌC	ANH	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
6	142220293	NGÔ VĂN	ANH	T14XDC	5	7							7	6.8	Sầu pháp Tằm		
7	142220294	NGUYỄN THẾ	BÌNH	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Baý pháp Chên		
8	142220295	PHẠM VĂN	BÌNH	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
9	142220296	TRƯƠNG QUANG	CẢNH	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháp Hai		
10	142220298	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	T14XDC	10	6.5							5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
11	142220299	ĐOÀN VĂN	DANH	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
12	142220300	NGUYỄN TRÌNH	DIỄN	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
13	142220301	NGÔ QUANG	ĐỊNH	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháp Hai		
14	142220303	NGUYỄN KIM	DŨNG	T14XDC	10	6							5	5.7	Nàm pháp Baý		
15	142220304	LÊ VĂN	DƯƠNG	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Baý pháp Chên		
16	142220305	NGUYỄN SINH	DUY	T14XDC	10	6							5	5.7	Nàm pháp Baý		
17	142220306	NGUYỄN THẾ	HẢI	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháp Hai		
18	142220307	DƯƠNG	HẢI	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
19	142220308	NGUYỄN HỮU	HẢI	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Baý pháp Chên		
20	142220309	PHAN	HÀO	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
21	142220310	HUỖNH VĂN	HIỆP	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
22	142220311	PHAN	HIẾU	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
23	142220312	VÕ VĂN	HÙNG	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháp Hai		
24	142220313	ĐOÀN CÔNG	HUY	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
25	142220314	TRẦN CÔNG	KHOA	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháp Hai		
26	142220315	LÊ NGUYỄN	LÂM	T14XDC	5	6							V	0.0	Khăng		
27	142220316	NGUYỄN BÁ	LÂM	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Baý pháp Chên		
28	142220317	DƯƠNG TẤN	LĨNH	T14XDC	10	7							6	6.6	Sầu pháp Sầu		
29	142220318	NGUYỄN HỒNG	LỊNH	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
30	142220319	CAO VĂN	LƯƠNG	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
31	142220320	NGUYỄN VĂN	LÝ	T14XDC	5	6							5	5.2	Nàm pháp Hai		
32	142220321	NGUYỄN VĂN	MẠNH	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
33	142220322	NGUYỄN HOÀI	NAM	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Baý pháp Chên		
34	142220325	TRẦN HOÀNG	NHÂN	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
35	142220326	PHAN TẤN	NHÂN	T14XDC	0	0							V	0.0	Khăng		
36	142220327	HỒ XUÂN	NHẬT	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháp Hai		
37	142220328	HUỖNH NGỌC	NINH	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
38	142220330	CAO ĐỨC	PHƯỚC	T14XDC	10	8							7	7.5	Baý pháp Nàm		
39	142220332	HUỖNH CÔNG	QUANG	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Baý		
40	142220333	NGUYỄN MINH	QUYỀN	T14XDC	10	7							6	6.6	Sầu pháp Sầu		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ T14XDC

TÊN HỌC PHẦN: THỰC TẬP ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH HỌC KỲ 3
MÃ HỌC PHẦN : GLY - 291 TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 07/04/2010

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				C	T	K	V	H	G	CN	N	E	SỐ	CHỮ		
				10	20							70	100			
41	142220334	TRẦN NGỌC SÂM	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
42	142220335	NGUYỄN TRUNG SON	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
43	142220336	NGUYỄN NGỌC SON	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
44	142220337	PHAN VĂN TÂY	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Báý		
45	142220338	NGUYỄN CAO THẠCH	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
46	142220339	LÊ MINH THÀNH	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
47	142220340	NGUYỄN TIẾN THÀNH	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Báý		
48	142220341	LÊ VĂN THÀNH	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
49	142220342	VƯƠNG CÔNG THÀNH	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
50	142220343	NGÔ NGỌC THIỆN	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
51	142220344	HỒ VĂN THIỆU	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
52	142220345	MAI QUỐC THỌ	T14XDC	10	8							8	8.2	Tằm pháýp Hai		
53	142220346	HOÀNG CHÍ TIẾN	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
54	142220347	NGUYỄN VĂN TRÍ	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Báý		
55	142220348	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
56	142220349	NGUYỄN TÂN TUẤN	T14XDC	10	8							8.5	8.6	Tằm pháýp Sầu		
57	142220350	NGUYỄN ANH TUẤN	T14XDC	10	8							7.5	7.9	Báý pháýp Chên		
58	142220351	NGUYỄN VĂN TUẤN	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
59	142220352	TRẦN VĂN TƯỜNG	T14XDC	0	0							HP	0.0	Khăng		
60	142220353	NGÔ TÁ VIỆT	T14XDC	10	8							7	7.5	Báý pháýp Nàm		
61	142220354	NGUYỄN BÁ VINH	T14XDC	10	7							6.5	7.0	Báý		
62	142220356	NGUYỄN TRUNG VƯƠNG	T14XDC	5	6							5	5.2	Nàm pháýp Hai		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	59	95%	
2	Số sinh viên nợ	3	5%	
TỔNG CỘNG :		62	100%	

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2010

LÁNH ĐẠO

KIỂM TRA
(kyiũaighi roĩhoũăn)

LÃNH ÂAÔ KHOA
(kyiũaighi roĩhoũăn)

PHÒNG ÂAÔ TAO
(kyiũaighi roĩhoũăn)

Nguyễn Kim Ẩc

Trằng Vàn Tám

ThS. Huỳnh Ngõ Hào

Nguyễn Ấn